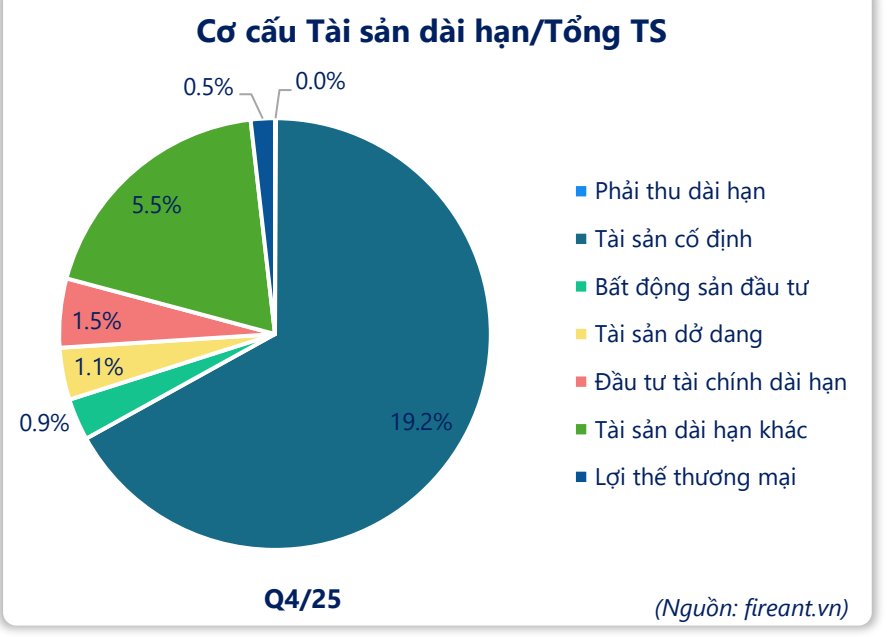
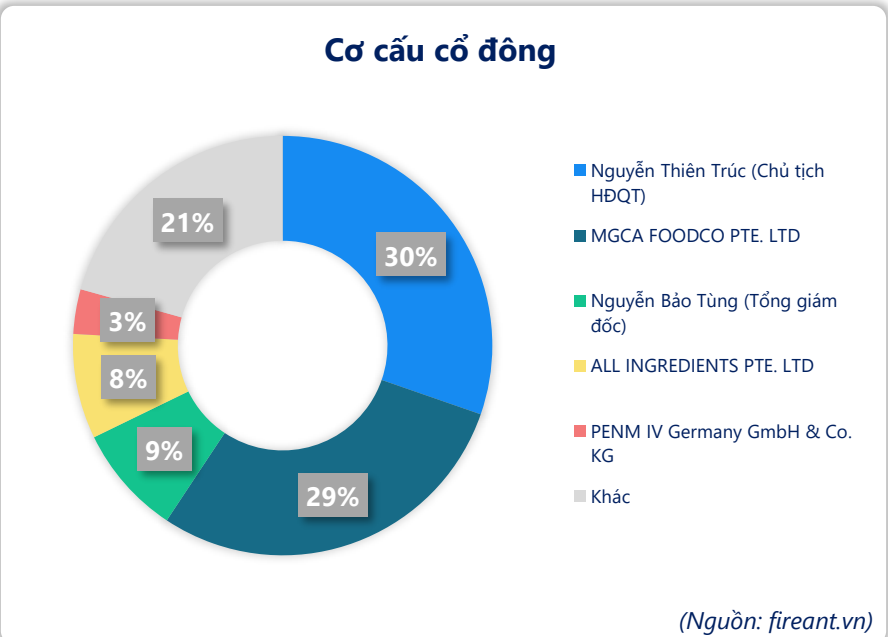
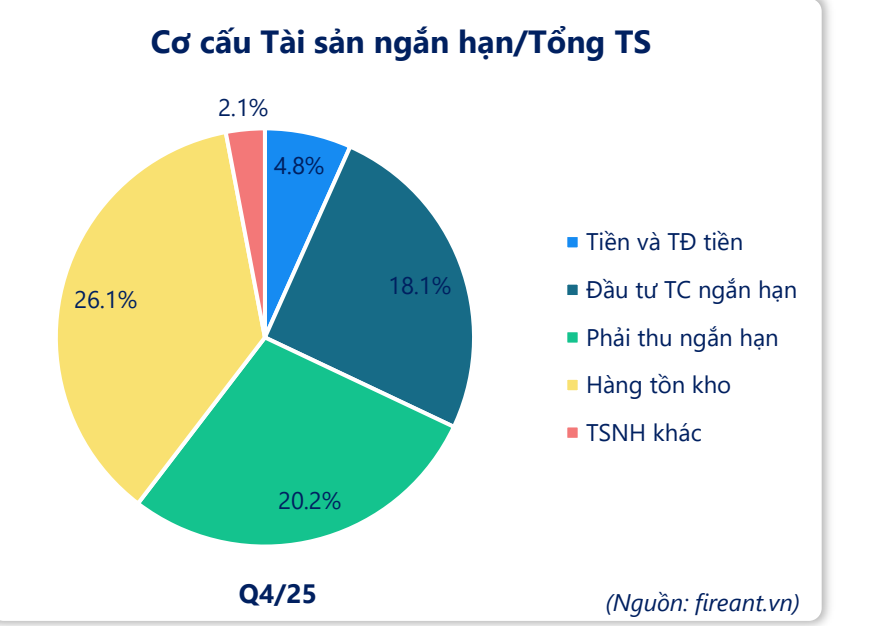
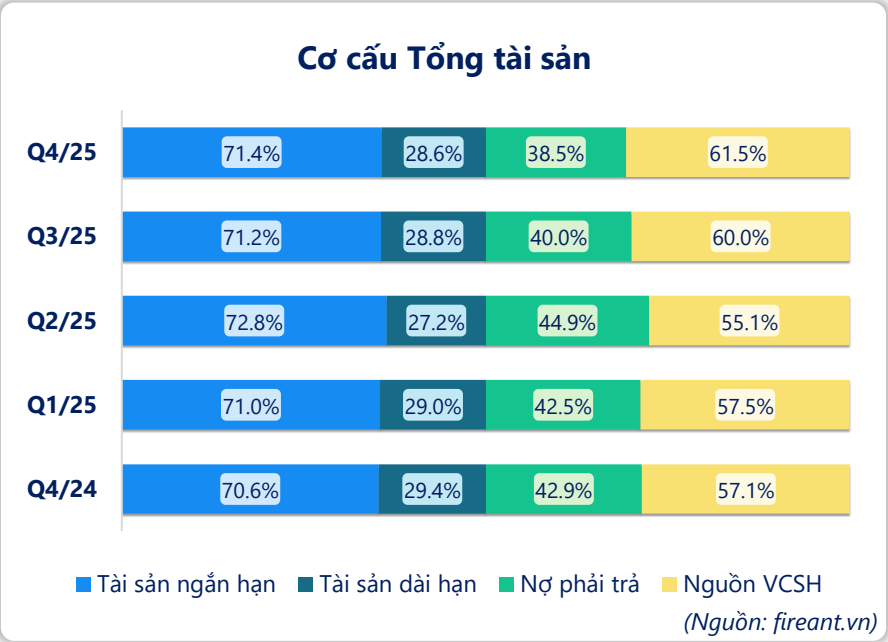
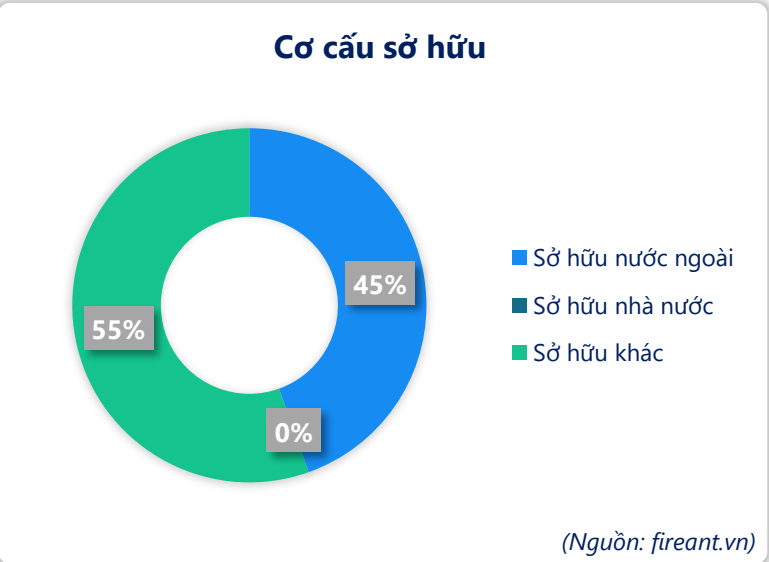
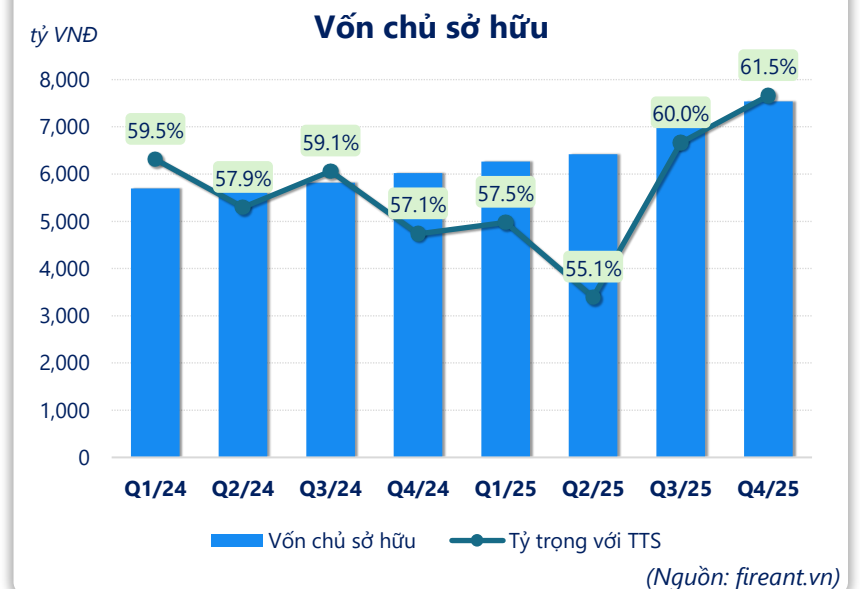
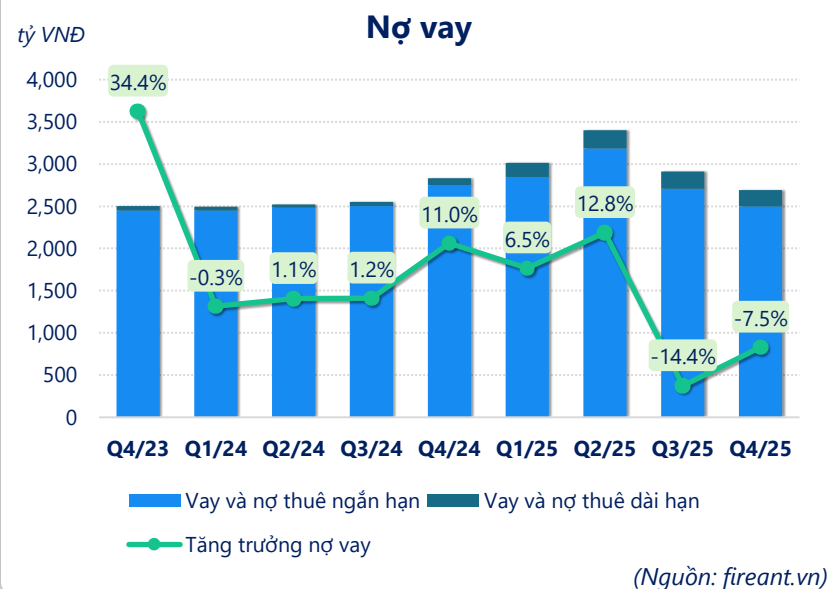
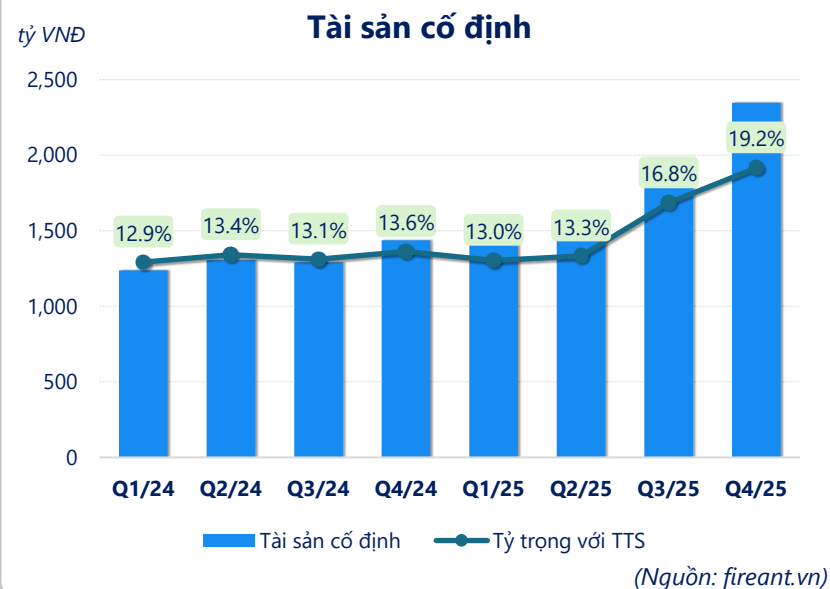
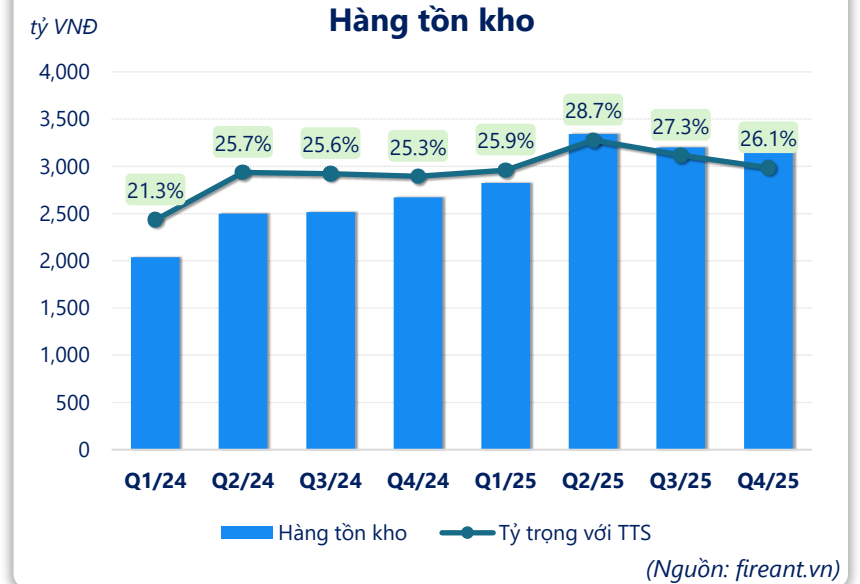
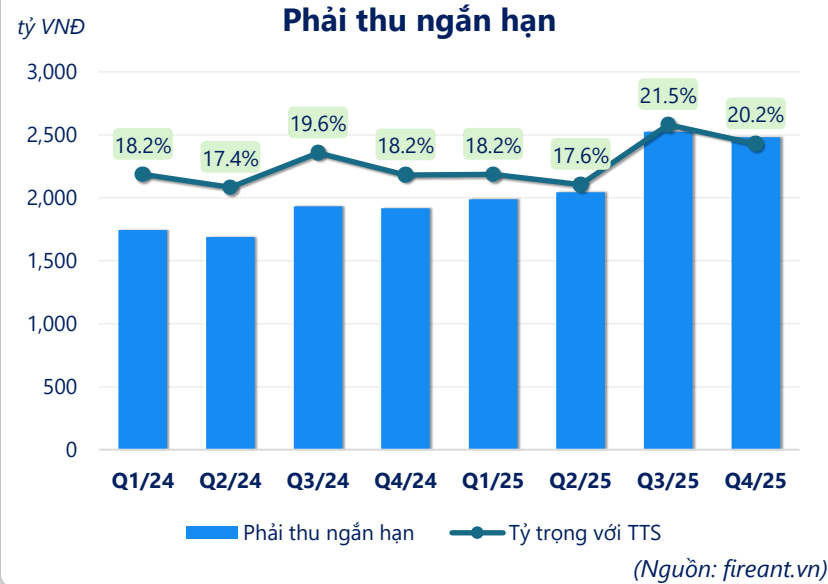
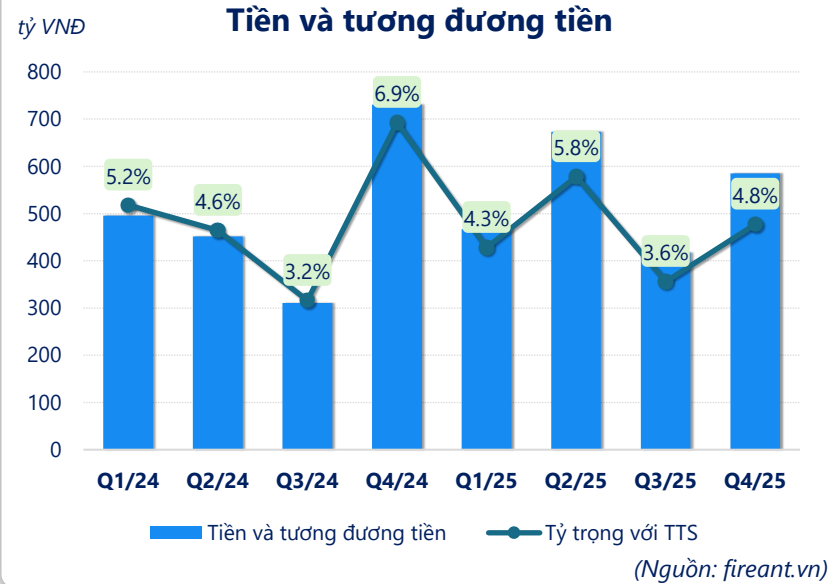
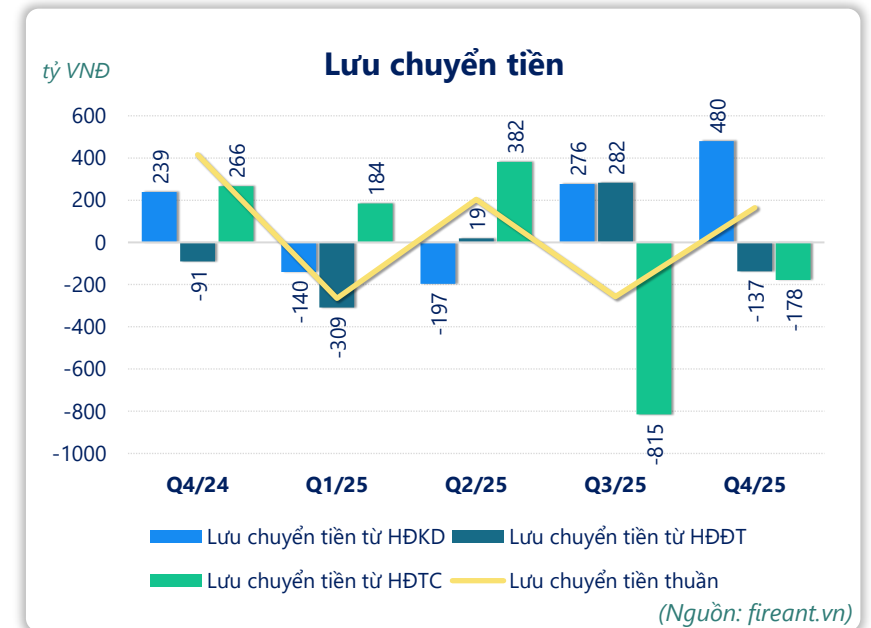
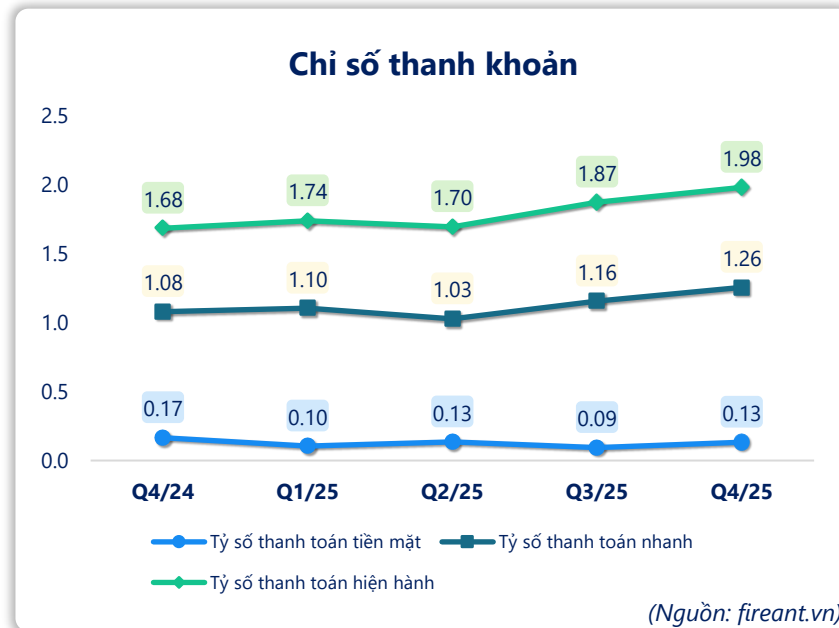
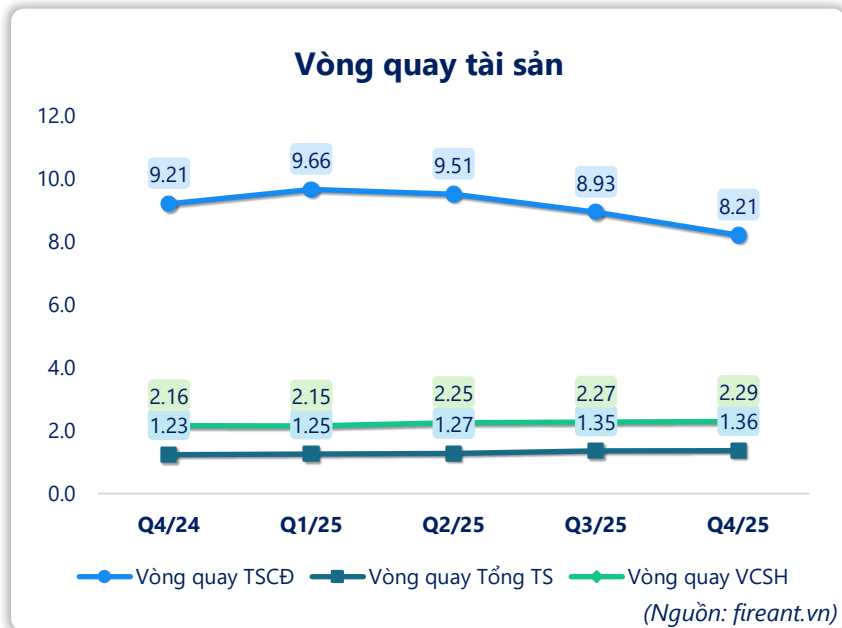
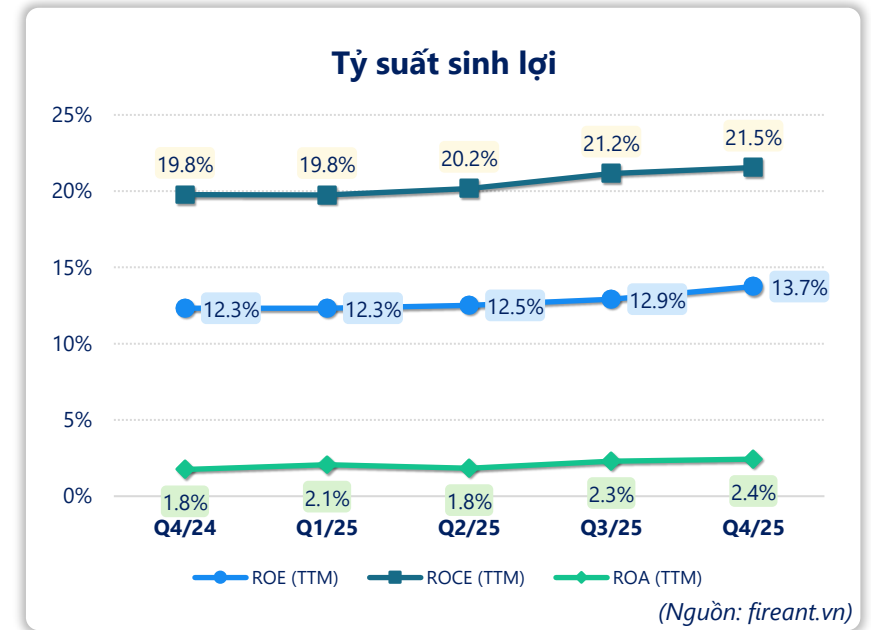
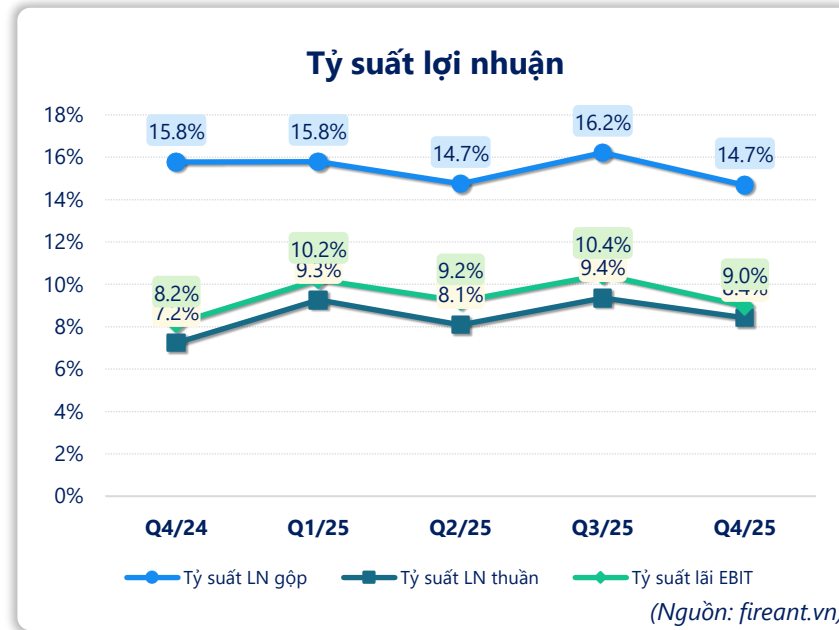
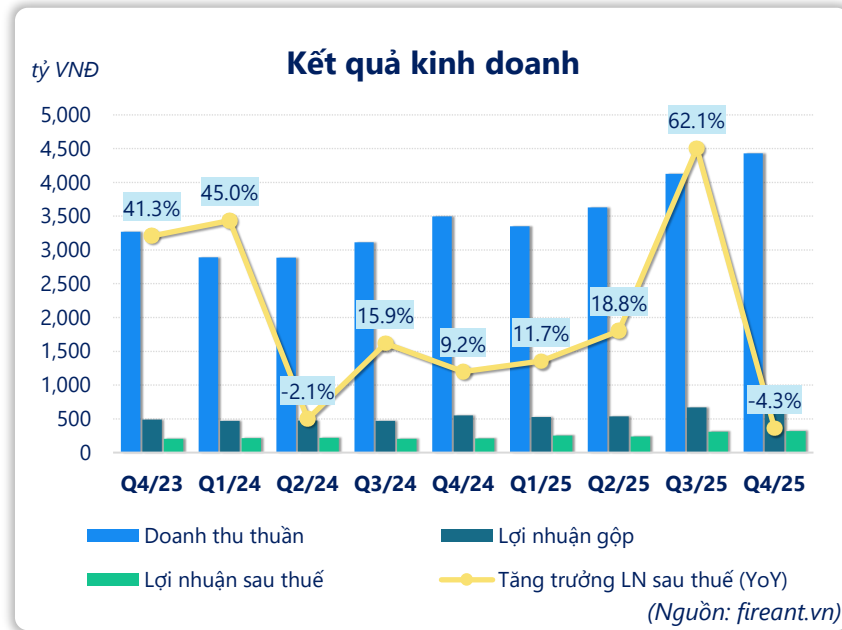


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		50,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		38,900
SL cổ phiếu LH		170,601,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)		52,325
% sở hữu nước ngoài		44.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		8,530
P/E		9.2
EPS		5,462

	YTD	1T	3T	6T
AIG	10.4%	12.9%	11.1%	11.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	12,256	10,543	16.2%
Tài sản ngắn hạn	8,745	7,442	17.5%
Tiền và tương đương tiền	585	731	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,216	1,939	14.3%
Phải thu ngắn hạn	2,480	1,919	29.3%
Hàng tồn kho	3,201	2,666	20.1%
Tài sản ngắn hạn khác	263	187	40.6%
Tài sản dài hạn	3,511	3,101	13.2%
Phải thu dài hạn	2.70	1.70	58.9%
Tài sản cố định	2,348	1,438	63.3%
Bất động sản đầu tư	110	110	0.0%
Tài sản dở dang	137	177	-22.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	181	553	-67.2%
Tài sản dài hạn khác	668	821	-18.6%
Lợi thế thương mại	63.5	0	
Nợ phải trả	4,720	4,530	4.2%
Nợ ngắn hạn	4,415	4,428	-0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,498	2,749	-9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,336	1,183	12.9%
Nợ dài hạn	305	103	198%
Vay và nợ thuê dài hạn	194	82.4	136%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,536	6,013	25.3%
Vốn chủ sở hữu	7,536	6,013	25.3%
Vốn điều lệ	1,706	1,706	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,496	3,349	3,628	4,126	4,430
Giá vốn hàng bán	2,944	2,820	3,093	3,457	3,780
Lợi nhuận gộp	551	529	535	669	650
Doanh thu HĐTC	45.7	39.0	58.2	43.5	109
Chi phí TC	46.5	35.3	47.9	46.1	45.5
Chi phí lãi vay	30.3	30.5	37.7	41.5	35.6
LN trong công ty LKLD	5.97	10.8	9.69	9.26	-0.34
Chi phí bán hàng	115	96.5	100	128	136
Chi phí QLDN	189	136	161	161	204
LN thuần từ HĐKD	253	310	293	386	373
Lợi nhuận khác	1.84	1.34	2.93	3.62	-11.1
LN trước thuế	255	312	296	390	362
Lợi nhuận sau thuế	207	253	237	307	316
LNST của CĐ cty mẹ	176	211	196	248	277

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	239	-140	-197	276	480
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-90.7	-309	18.8	282	-137
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	266	184	382	-815	-178
Tiền đầu kỳ	311	731	467	673	418
Lưu chuyển tiền thuần	415	-265	204	-256	165
Ảnh hưởng tỷ giá	4.53	0.86	2.54	1.00	1.98
Tiền cuối kỳ	731	467	673	418	585

(Nguồn: fireant.vn)